

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HSPT
Ngày 29 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2017/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Phan Minh P và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Phan Minh P sinh năm 1997 tại Bình Định; nơi cư trú: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P1 và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ con; tiền xã Mán, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 17/01/2017.

2. Phạm Minh D sinh năm 1997 tại Bình Định; nơi cư trú: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình S (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 17/3/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản

án số 44/2016/HS-PT, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2016; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 17/01/2017.

3. Nguyễn Phương T sinh năm 1994 tại Phú Yên; NĐKNKTT: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nơi ở: phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Hồ Thị P; có vợ là Võ Hoàng D và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 17/01/2017.

4. Nguyễn Tường L sinh năm 1992 tại Phú Yên; nơi cư trú: xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đàm Thị H; có vợ là Phạm Thị Mỹ H và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

5. Đỗ Văn T sinh năm 1993 tại Phú Yên; trú tại, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Phạm Thị T; có vợ là Nguyễn Hoàng Y (chưa có con); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

Ngoài ra còn có bị cáo Trần Minh N không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Đỗ Văn T:

Ông Hồ K, Luật sư của Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định.

- Bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1996; nơi cư trú: H, T, T, Bình Định;
2. Anh Cao Thuận B, sinh năm 1976; nơi cư trú: V, M, P, Bình Định;
3. Anh Lê Công Đ, sinh năm 1974; nơi cư trú: V, M, P, Bình Định;
4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Đ, M, P, Bình Định;
5. Anh Võ Trọng T, sinh ngày 20/02/1999; nơi cư trú: Hội Phú, H, P, Bình Định;
6. Anh Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1980; nơi cư trú: T, H, P, Bình Định;
7. Anh Trần Anh Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: V, M, P, Bình Định;
8. Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: B, Á, H, Bình Định;
9. Anh Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1985; nơi cư trú: V, Á, H, Bình Định;

10. Anh Trần Văn B, sinh năm 1986; nơi cư trú: H, A, H, Bình Định;

11. Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1993; nơi cư trú: N, thành phố Q, tỉnh Bình Định;

12. Ông Nguyễn Q, sinh năm 1957; nơi cư trú: C, P, Bình Định;

13. Anh Đoàn Văn K, sinh năm 1970; nơi cư trú: P, T, Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T có mặt; những người bị hại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 07/12/2016 đến ngày 11/01/2017, Phan Minh P và Phạm Minh D đã điều khiển xe mô tô đi đến các địa bàn thuộc tỉnh Bình Định thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 13 xe mô tô các loại với tổng trị giá là 188.946.673 đồng. Sau đó, P và D bán 8 xe cho Nguyễn Phương T thu được 36.300.000 đồng; bán cho Trần Minh N 1 xe thu 5.000.000 đồng và bán qua mạng xã hội 2 xe thu 7.500.000 đồng; còn lại 02 xe mô tô bị Cơ quan điều tra thu giữ. Cụ thể như sau:

- Tại địa bàn thành phố Q:

Vào khoảng 18 giờ 30' ngày 07/12/2016, Phan Minh P và Phạm Minh D đi bộ từ nhà trọ tại đường H, thành phố Q đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định phát hiện 01 xe mô tô BKS 77H1-068.55 do chị Nguyễn Thị Mỹ D đứng tên chủ sở hữu, P dùng chìa khóa xe Jupiter phá khóa xe rồi chở D về nhà trọ cất giấu.

Ngày 09/12/2016, P và D đem xe đến tiệm sửa xe “Trường” để mượn đồ sửa chữa xe máy và nói với anh Lê Hồng B là chủ tiệm (tên thường gọi là Tr) “có ai mua chiếc xe wave này không” thì anh Tr trả lời “không mua”, sau đó anh Tr đi đến tiệm của anh Bích để gia công đồ nghề. Tại đây, anh Tr gặp Nguyễn Phương T cũng làm nghề sửa xe mô tô, T hỏi Tr “cần mua xe giá rẻ để sử dụng” thì anh Tr trả lời “ở tiệm tôi có 02 thanh niên đang cần bán xe wave, đến đó hỏi thử”. Ngay sau đó, T đi đến tiệm sửa xe của anh Tr thì gặp P và D, khi trao đổi việc mua bán xe, P và D có nói cho T biết là xe do trộm cắp mà có, nhưng T ham rẻ nên đã thống nhất mua với giá 1.800.000 đồng và T dẫn P, D về nhà của T để đưa tiền; đồng thời, T cho số điện thoại để P, D liên lạc khi nào có xe thì bán tiếp cho T. Sau đó, T đã rao qua mạng Internet bán cho một người không rõ họ, tên địa chỉ với giá 3.500.000 đồng. Xe mô tô này chưa thu hồi được để trả cho bị hại.

Ngày 19/02/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Q kết luận xe mô tô mang biển số 77H1-068.55 của chị D có trị giá 11.000.000 đồng.

- Tại địa bàn huyện P:

Vụ thứ nhất: Khoảng 0 giờ ngày 07/12/2016, P và D điều khiển xe mô tô đã trộm cắp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định đến xã M phát hiện xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen, biển số 77D1-064.94 của anh Cao Thuận B dựng trong sân nhưng không có người trông giữ. P đứng ở ngoài cảnh giới, còn D lén lút vào nhà sử dụng công cụ tự chế phá khóa xe nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu. Sau đó, P và D rao trên mạng Internet bán cho hai người thanh niên (không rõ tên địa chỉ) với giá tiền 4.000.000 đồng. Xe mô tô này chưa thu hồi được để trả cho bị hại.

Ngày 19/01/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77D1-064.94 của anh B có giá là 10.591.670 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ 30' ngày 30/12/2016, P và D điều khiển xe mô tô vừa trộm ở vụ thứ nhất đến địa bàn thôn V, xã M phát hiện xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen, biển số 77D1-019.87 của anh Lê Công Đ dựng trước một cửa hàng bán tạp hóa nhưng không có người trông giữ. D đứng cảnh giới, còn P lén lút đến dùng công cụ tự chế phá khóa xe nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu. Sau đó, P và D rao qua mạng Internet bán cho một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 3.500.000 đồng. Xe mô tô này chưa thu hồi được để trả cho bị hại.

Ngày 19/01/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77D1-019.87 của anh Đ có trị giá 7.837.500 đồng.

Vụ thứ ba: Trưa ngày 03/01/2017, P và D điều khiển xe mô tô đã trộm cắp của anh Cao Thuận B đến xã M phát hiện xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen mang biển số 77D1-119.96 của anh Nguyễn Văn T dựng bên lề đường không có người trông giữ. D đứng cảnh giới, còn P lén lút dùng công cụ tự chế phá khóa xe nổ máy rồi chạy về nhà trọ cất giấu. Sau đó, đem xe mô tô này đến bán cho Nguyễn Phương T với giá tiền 4.500.000 đồng. Sau khi mua xe, T bán cho Nguyễn Tường L và Đàm Ngọc Chí N với giá tiền 5.700.000 đồng. L và N biết là xe trộm cắp nhưng vẫn mua đem về gắn biển số giả, làm giấy chứng nhận đăng ký mô tô giả rồi Lâm đem đến thế chấp tại tiệm cầm đồ Thu Hà ở thành phố T, tỉnh Phú Yên lấy 12.000.000 đồng. Xe mô tô này đã được Cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại.

Ngày 19/01/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77D1-119.96 của anh T có trị giá 12.120.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào sáng ngày 04/01/2017, P và D tiếp tục điều khiển xe mô tô trộm được của anh Cao Thuận B đến thị trấn P phát hiện xe mô tô loại Sirius màu trắng xanh, biển số 77D1-339.92 của anh Võ Trọng T dựng trước trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực nhưng không có người trông giữ. D đứng cảnh giới để P lén lút dùng công cụ tự chế phá khóa xe nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu. Sau đó, đem bán cho Nguyễn Phương T với giá tiền 4.200.000 đồng. Sau

khi mua xe mô tô này, Nguyễn Phương T bán lại cho Nguyễn Tường L và Đàm Ngọc Chí N với giá tiền 6.000.000 đồng. Nguyễn Tường L đem về gắn biển số giả 78H1-294.65 và làm giấy chứng nhận đăng ký mô tô giả lấy tên là Nguyễn D rồi đưa cho Đàm Ngọc Chí N đem thế chấp tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Trọng H lấy 12.500.000 đồng chia nhau. Xe mô tô này đã được Cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại.

Ngày 19/01/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77D1-339.92 của anh Tín có trị giá 19.768.334 đồng.

Vụ thứ năm: Chiều ngày 06/01/2017, P và D điều khiển xe mô tô trộm được của anh Cao Thuận B đến xã H phát hiện xe mô tô loại Nouvo màu đỏ đen, biển số 77D1-081.37 của anh Nguyễn Vinh Q dựng bên hông chùa Phước Thiện nhưng không có người trông giữ. Lúc này, D đứng ở ngoài cảnh giới còn P đến chỗ xe mô tô sử dụng công cụ tự chế phá khóa rồi nổ máy chạy về nhà trọ cất. Sau đó, đem bán cho Nguyễn Phương T với giá tiền 4.200.000 đồng. Sau khi mua được xe mô tô, T đã rao trên mạng Internet bán cho một người không rõ họ tên địa chỉ với giá tiền 5.500.000 đồng. Xe mô tô này chưa thu hồi được để giao trả cho bị hại.

Ngày 19/01/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô biển số 77D1-081.37 của anh Q có trị giá 19.229.169 đồng.

Vụ thứ sáu: Sáng ngày 11/01/2017, P và D điều khiển xe mô tô biển số 77D1-064.94 trộm cắp được của anh Cao Thuận B đến khu vực thôn V, xã M phát hiện xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen mang biển số 77D1-24353 của anh Trần Anh Q do ông Trần Đức Thanh (cha ruột) điều khiển đến hái ớt và dựng xe ở lề đường. Lúc này, D đứng cảnh giới để P lén lút đến sử dụng công cụ tự chế phá khóa xe nổ máy rồi chạy về thành phố Q bán cho Nguyễn Phương T với giá tiền 3.800.000 đồng. Sau khi mua được xe, T đã bán cho Đỗ Văn T và Đàm Ngọc Chí N với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, T nhờ Nguyễn Tường L làm biển số giả và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả rồi đưa xe cho Võ Phi S đem đến tiệm cầm đồ của bà Nguyễn Huỳnh Hương T thế chấp được 13.000.000 đồng. Xe mô tô này đã được Cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại.

Ngày 19/01/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77D1-243.53 của anh Quốc có trị giá 14.680.000 đồng.

- Tại địa bàn huyện H:

Vụ thứ nhất: Trưa ngày 08/12/2016, P và D điều khiển xe mô tô trộm cắp được của anh Cao Thuận B đi từ thành phố Q đến khu vực Đội 2, thôn Bình Sơn, xã Ân Nghĩa phát hiện xe mô tô loại Jupiter màu đỏ đen, biển số 77K1-163.36 của anh Trần Ngọc Đ dựng trong hiên nhà, trên xe còn gắn chìa khóa. D đứng cảnh

giới để cho P lén lút đến mở khóa xe nổ máy rồi chạy về nhà trọ cất giấu rồi bán cho Nguyễn Phương T với giá 6.600.000 đồng. Sau khi mua xe, Nguyễn Phương T sử dụng làm phương tiện đi lại và bị mất trộm. Xe mô tô này chưa thu giữ được để giao trả cho bị hại.

Ngày 20/02/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận xe mô tô mang biển số 77K1-163.36 của anh Đ có trị giá 25.020.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trưa ngày 11/12/2016, P và D điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh Cao Thuận B đi từ thành phố Q đến Đội 3, xã A phát hiện xe mô tô loại Sirius màu vàng đen, biển số 77K1-068.03 của anh Nguyễn Phúc Q dựng bên đường không rút chìa khóa. D đứng canh giới, còn P lén lút đến mở khóa nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu rồi đem bán cho Nguyễn Phương T với giá tiền 4.200.000 đồng. Sau đó, T rao trên mạng Internet bán cho một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 5.600.000 đồng. Xe mô tô này chưa thu giữ được để giao trả cho bị hại.

Ngày 20/02/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận xe mô tô mang biển số 77K1-068.03 của anh Q có trị giá 12.180.000 đồng.

Vụ thứ ba: Trưa ngày 17/12/2016, P và D điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh Cao Thuận B đi từ thành phố Q đến xã A phát hiện chiếc xe mô tô loại Jupiter màu vàng đen, biển số 77D1-159.84 của anh Trần Văn B dựng trong sân nhà, trên xe vẫn còn gắn chìa khóa. D đứng ngoài canh giới, P lén lút đến mở khóa nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu, sau đó nhờ Nguyễn Phương T đem xe bán cho Nguyễn Tường L và Đàm Ngọc Chí N với giá tiền 7.000.000 đồng. Chiếc xe này, T chiếm hưởng 1.200.000 đồng, còn lại đưa cho P, D 5.800.000 đồng. Sau khi mua được xe mô tô, Nguyễn Tường L đem về gắn biển số giả và làm giấy chứng nhận đăng ký mô tô giả rồi đưa cho Đàm Ngọc Chí N đem thế chấp tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Thanh lấy 20.000.000 đồng chia nhau. Xe mô tô này đã được Cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại.

Ngày 20/02/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận xe mô tô biển số 77K1-159.84 của Trần Văn B có trị giá 25.020.000 đồng.

- Tại địa bàn huyện P:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 17/12/2016, P và D tiếp tục điều khiển xe mô tô đã trộm được của anh Cao Thuận B đến khu vực rừng Dương thuộc thôn Phú Hậu, xã Cát Chánh phát hiện xe mô tô loại Sirius màu đen trắng, biển số 77L1-260.16 của anh Nguyễn Ngọc B dựng bên lề đường, không có người trông giữ. D đứng ngoài canh giới, P sử dụng chìa khóa xe mang theo đến phá khóa nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu rồi đem bán cho Nguyễn Phương T, nhưng T không mua mà cho số điện thoại của Trần Minh N để P liên lạc và bán cho Nghĩa với giá 5.000.000 đồng. Khi mua xe, Nghĩa biết là xe mô tô trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua để sử dụng. Xe mô tô này đã được Cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại.

Ngày 08/3/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77L1-260.16 của anh Biển có trị giá 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sáng ngày 06/01/2017, P và D điều khiển xe mô tô đã trộm cắp của anh Cao Thuận B đến xã C phát hiện xe mô tô hiệu loại Sirius màu đỏ đen, biển số 77E1-267.42 của ông Nguyễn Q dựng bên lề đường nhưng không có người trông giữ, trên xe vẫn còn gắn chìa khóa. D đứng canh giới, còn P lén lút đến mở khóa nổ máy chạy về nhà trọ cất giấu. Sau đó, P sử dụng làm phương tiện đi lại và bị Cơ quan điều tra thu giữ, trả cho người bị hại.

Ngày 08/3/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện P kết luận xe mô tô mang biển số 77E1-267.42 của ông Q có trị giá 7.000.000 đồng.

- Tại địa bàn huyện T:

Sáng ngày 07/01/2017, P và D điều khiển xe mô tô đã trộm cắp của anh Cao Thuận B đến chợ Gò Mối thuộc Xã P phát hiện xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen, biển số 77G1-206.79 của anh Đoàn Văn K đưa cho vợ điều khiển đến chợ Gò Mối dựng bên lề đường không có người trông giữ, trên xe vẫn còn gắn chìa khóa. D đứng canh giới, còn P mở khóa xe nổ chạy và nhà trọ cất giấu. Tại đây, D và P tháo biển số thật, gắn biển số giả 77N9-6069 rồi đục số máy, số khung giả AY330316 để sử dụng làm phương tiện đi lại, đến ngày 17/01/2017 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ.

Ngày 03/4/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận xe mô tô mang biển số 77G1-206.79 của anh Khiêm có trị giá 14.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn xác định được Nguyễn Tường L, Đỗ Văn T, Đàm Ngọc Chí N sau khi mua được các xe mô tô trộm cắp đã có hành vi làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả và giấy chứng minh nhân giả rồi đem đến các tiệm cầm đồ ở thành phố T, tỉnh Phú Yên thế chấp lấy 57.500.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định đã tách riêng hành vi của các đối tượng này và thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên để tiến hành điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 37/2017/HS-ST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo: Phan Minh P, Phạm Minh D, Nguyễn Phương T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo: Nguyễn Tường L, Đỗ Văn T, Trần Minh N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Minh P 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2017;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản

1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Minh D 5 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2017;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương T 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2017;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường L 2 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh N 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng; án phí; phổ biến quyền kháng cáo, quy định về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2017, bị cáo Nguyễn Tường L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được án treo.

Ngày 09/10/2017, bị cáo Đỗ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được án treo.

Ngày 10/10/2017, bị cáo Nguyễn Phương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 35/2017/KN-HS-VC2 kháng nghị phúc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo hướng: Áp dụng bổ sung tình tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự đối với Phan Minh P và Phạm Minh D; xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Đàm Ngọc Chí N và của Nguyễn Phương T (trong lần mua xe thứ nhất ngày 07/12/2016) và tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D, Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

Trên cơ sở lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D, Nguyễn Phương T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Tường L, Đỗ Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có cơ sở. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo P, D đã thực hiện thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng; hành vi bị cáo Nguyễn Phương T, bị xử 2 năm 6 tháng tù so với hành vi của bị cáo là nhẹ và cấp sơ thẩm cũng không xem xét, xử lý hành vi mua xe mô tô của bị cáo T trong lần thứ nhất là bỏ sót hành vi phạm tội; hành vi của Nguyễn Tường L biết rõ 03 xe do P, D trộm cắp mà vẫn mua, gắn biển số giả, giấy tờ giả, tiêu thụ nên hình phạt 02 năm tù là nhẹ; số tiền bị cáo P, D, T thu được do phạm tội mà có cần truy thu nộp vào Ngân sách nhưng Tòa sơ thẩm chưa tuyên, đề nghị khắc phục.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù là có cơ sở, tuy nhiên có tình tiết mới là bị cáo tham gia quân ngũ nên đề nghị xem xét; hành vi của Đàm Ngọc Chí N và bị cáo Lâm mua xe trộm cắp mang đi tiêu thụ nhưng Nguyễn chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó Kiểm sát viên rút kháng nghị đối với Đàm Ngọc Chí N.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng bổ sung tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Nguyễn Phương T trong lần mua xe thứ nhất; áp dụng bổ sung tình tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự đối với Phan Minh P và Phạm Minh D; tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D, Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L và tịch thu xung quỹ nhà nước đối với số tiền các bị cáo P, D, T thu lợi bất chính. Đối với kháng cáo của các bị cáo do bản án bị đề nghị hủy nên không xét.

Luật sư Hồ Khả trình bày lời bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T:

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bị cáo Tạo ham rẻ đã mua xe của T; trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng; bị cáo vừa xuất ngũ đã đi học nghề và hiện đã có bằng y sĩ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo trình bày lời bào chữa:

- Bị cáo Nguyễn Phương T trình bày: Do trong quá trình điều tra vụ án, có Kiểm sát viên hướng dẫn bị cáo khai nhận là hứa hẹn sẽ mua xe do P và D trộm cắp; còn thực tế bị cáo chỉ nghe bị cáo D nói là mua xe về bán lại cho bị cáo chứ bị cáo không biết các xe bị cáo đã mua là do trộm cắp mà có. Bị cáo cho rằng bản thân chỉ phạm tội tiêu thụ chứ không đồng phạm trộm cắp tài sản.

- Bị cáo Nguyễn Tường L trình bày: Bị cáo có tình tiết mới là đã nộp lại 3.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với nội dung Kháng nghị về việc áp dụng pháp luật đối với các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D:

[1.1] Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Phan Minh P và Phạm Minh D đều thành khẩn khai nhận: Phan Minh P là sinh viên Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn, từ đầu năm 2016 P thuê nhà trọ trên đường Lý Thái Tổ, thành phố Q, tỉnh Bình Định để ở; Phạm Minh D là bạn học cùng phổ thông với P, sau khi chấp hành xong hình phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, D vào thành phố Q và đến ở cùng với P để kiếm việc làm. Tại nơi ở, P đã rủ D và cùng nhau thống nhất việc đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2016 đến ngày 11/01/2017, P và D đã cùng nhau thực hiện 13 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn tỉnh Bình Định có tổng trị giá là 188.946.673 đồng. Hành vi trộm cắp 13 xe mô tô của Phan Minh P và Phạm Minh D đã bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[1.2] Tuy nhiên, căn cứ hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong một thời gian ngắn, P và D đã có 13 lần liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã chiếm đoạt được 13 chiếc xe mô tô, sau đó bán cho các đối tượng khác lấy tiền chia nhau chi tiêu cho cuộc sống bản thân. Như vậy, P và D phạm tội thuộc trường hợp “Có tính chất chuyên nghiệp” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P, D là có thiếu sót trong áp dụng pháp luật. Kháng nghị của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng yêu cầu áp dụng tình tiết này đối với bị cáo P và bị cáo D là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với nội dung Kháng nghị về trách nhiệm hình sự của Nguyễn Phương T:

Tại phiên tòa, bị cáo T khai không biết các xe mô tô đã mua của P và D là xe do trộm cắp mà có. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi 8 lần mua xe mô tô của P và D. Lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo P, D; phù hợp với lời khai của các bị cáo và các đối tượng khác đã mua lại xe mô tô của T và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ chứng minh: Mặc dù T không trực tiếp tham gia cùng P và D trộm cắp tài sản, nhưng T đã có 8 lần mua 8 xe mô tô của P và D do trộm cắp mà có với tổng trị giá là 128.017.530 đồng. Trong đó, lần mua chiếc xe mô tô thứ nhất (ngày 07/12/2016 mua xe mô tô biển kiểm soát 77H1-068.55), Nguyễn Phương T biết là tài sản do trộm cắp mà có nhưng T vẫn mua nên đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; còn 7 lần sau đó, T cũng thực hiện hành vi mua tài sản biết rõ là do trộm cắp mà có như lần thứ nhất, nhưng do T có hứa hẹn trước là sẽ mua tài sản khi trộm cắp được nên T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” với vai trò là đồng phạm giúp sức cho P, D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm không truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Phương T về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với lần thứ nhất, mà coi hành vi này là tiền đề của 7 hành vi tiếp theo để thống nhất truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về một tội “Trộm cắp tài sản” trên tổng trị giá của 8 chiếc xe mô tô do bị cáo đã mua của P và D trộm cắp là phù hợp với nguyên tắc xử lý hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, không cần thiết phải tách hành vi mua xe mô tô của T trong lần thứ nhất như đã nêu trên để xử lý thành một tội độc lập như Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[3] Đối với nội dung Kháng nghị về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Đàm Ngọc Chí N:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã rút một phần Kháng nghị đối với nội dung này do Đàm Ngọc Chí N sinh ngày 25/5/2001, khi thực hiện hành vi mua lại các xe mô tô do P và D trộm cắp mang đi tiêu thụ thì Nguyên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với nội dung Kháng nghị về việc tịch thu số tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và tuyên tịch thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo như nội dung Kháng nghị là có

thiếu sót. Căn cứ vào kết quả điều tra và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định được các bị cáo P, D, T thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể như sau:

(1) Xe mô tô BKS 77H1-068.55 (của chị Nguyễn Thị Mỹ D), P và D trộm cắp được bán cho T 1.800.000 đồng; T bán được 3.500.000 đồng (chưa thu hồi được xe). Như vậy, chiếc xe này P và D thu được 1.800.000 đồng; T thu lợi bất chính 1.700.000 đồng.

(2) Xe mô tô BKS 77D1-064.94 (của anh Cao Thuận B), P và D trộm cắp, bán qua mạng Internet được 4.000.000 đồng (chưa thu hồi được xe).

(3) Xe mô tô BKS 77D1-019.87 (của anh Lê Công Đ), P và D trộm cắp được bán qua mạng Internet được 3.500.000 đồng (chưa thu hồi được xe).

(4) Xe mô tô BKS 77D1-119.96 (của anh Nguyễn Văn T), P và D trộm cắp được bán cho Nguyễn Phương T 4.500.000 đồng; T bán cho Nguyễn Tường L và Đàm Ngọc Chí N với giá 5.700.000 đồng (đã thu giữ được xe trả cho bị hại). Như vậy, chiếc xe này P và D thu được 4.500.000 đồng; T thu lợi bất chính 1.200.000 đồng.

(5) Xe mô tô BKS 77D1-339.92 (của anh Võ Trọng T), P và D trộm cắp được bán cho Nguyễn Phương T 4.200.000 đồng; T bán lại cho Nguyễn Tường L và Đàm Ngọc Chí N với giá 6.000.000 đồng (đã thu giữ được xe trả cho bị hại). Như vậy, chiếc xe này P và D thu được 4.200.000 đồng; T thu lợi bất chính 1.800.000 đồng.

(6) Xe mô tô BKS 77D1-081.37 (của anh Nguyễn Vinh Q), P và D trộm cắp được bán cho Nguyễn Phương T 4.200.000 đồng; T bán qua mạng Internet được 5.500.000 đồng (chưa thu hồi được xe). Như vậy, chiếc xe này P, D thu được 4.200.000 đồng; T thu lợi bất chính 1.300.000 đồng.

(7) Xe mô tô BKS 77D1-24353 (của anh Trần Anh Q), P và D trộm cắp được bán cho Nguyễn Phương T 3.800.000 đồng; T đã bán cho Đỗ Văn T và Đàm Ngọc Chí N với giá 6.000.000 đồng (đã thu giữ được xe trả cho bị hại). Như vậy, chiếc xe này P và D thu được 3.800.000 đồng; T thu lợi bất chính 2.200.000 đồng.

(8) Xe mô tô BKS 77K1-163.36 (của anh Trần Ngọc Đ), P và D trộm cắp được bán cho Nguyễn Phương T 6.600.000 đồng. Sau khi mua xe, T sử dụng làm phương tiện đi lại và bị mất (chưa thu hồi được xe).

(9) Xe mô tô BKS 77K1-068.03 (của anh Nguyễn Phúc Q), P và D trộm cắp được bán cho Nguyễn Phương T 4.200.000 đồng; T bán qua mạng Internet được 5.600.000 đồng (chưa thu giữ được xe). Như vậy, chiếc xe này P và D thu được 4.200.000 đồng; T thu lợi bất chính 1.400.000 đồng.

(10) Xe mô tô BKS 77D1-159.84 (của anh Trần Văn B), P và D trộm cắp được thông qua Nguyễn Phương T bán cho Nguyễn Tường L và Đàm Ngọc Chí N với giá 7.000.000 đồng (đã thu giữ được xe trả cho bị hại). Đối với chiếc xe này, P và D thu được 5.800.000 đồng; T thu lợi bất chính 1.200.000 đồng.

(11) Xe mô tô BKS 77L1-260.16 (của anh Nguyễn Ngọc B), P và D trộm cắp được bán cho Trần Minh N 5.000.000 đồng (đã thu giữ được xe trả cho bị hại).

Đối với 2 chiếc xe: Xe mô tô BKS 77E1-267.42 (của anh Nguyễn Q) và xe mô tô BKS 77G1-206.79 (của ông Đoàn Văn K), P và D trộm cắp được nhưng không bán mà sử dụng làm phương tiện đi lại, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ, trả cho bị hại.

[4.2] Như vậy, trong 13 chiếc xe mô tô nêu trên thì có 6 xe Cơ quan điều tra chưa thu hồi được để trao trả cho những người bị hại: Nguyễn Thị Mỹ D, Cao Thuận B, Lê Công Đ, Nguyễn Vinh Q, Trần Ngọc Đ, Nguyễn Phúc Q. Đối với 6 chiếc xe này, P và D trộm cắp được đã bán và thu được tổng số tiền là 24.300.000 đồng chia nhau. Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự và các quy định của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc P và D phải liên đới bồi thường bằng số tiền tương ứng với toàn bộ giá trị của các xe mô tô cho các bị hại nêu trên với tổng số tiền là 85.858.339 đồng là đúng pháp luật.

Số xe mô tô còn lại gồm 7 chiếc đã được Cơ quan điều tra thu giữ để trả lại cho người bị hại, trong đó có 2 xe (của các bị hại: Nguyễn Q, Đoàn Văn K) sau khi trộm cắp được, P và D không bán mà để lại sử dụng; 5 xe (của các bị hại: Nguyễn Văn T, Võ Trọng T, Trần Anh Q, Trần Văn B, Nguyễn Ngọc B) sau khi trộm cắp được, P và D đã bán cho T và các đối tượng khác thu được tổng số tiền là 23.300.000 đồng và đã chia nhau để sử dụng hết. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự thì đây là số tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo P và bị cáo D phải liên đới nộp lại để tịch thu, sung quỹ nhà nước; chia phần, mỗi bị cáo phải bị truy thu 11.650.000 đồng.

Nguyễn Phương T đã mua của P và D 8 xe mô tô. Trong đó, T giữ lại 1 xe để đi (xe của bị hại Trần Ngọc Đ), 7 xe còn lại T bán lại cho các đối tượng khác thu lợi 10.800.000 đồng (gồm xe của các bị hại: Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Văn T, Võ Trọng T, Nguyễn Vinh Q, Trần Anh Q, Nguyễn Phúc Q, Cao Thuận B). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự, cần buộc bị cáo Nguyễn Phương T phải nộp lại số tiền 10.800.000 đồng do phạm tội mà có để tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[5] Về mức hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D, Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L đều bị kháng nghị tăng hình phạt; bị cáo Nguyễn Phương T có kháng cáo xin

giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Tường L và bị cáo Đỗ Văn T có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với Phan Minh P và Phạm Minh D: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo; xem xét vai trò đồng phạm đối với bị cáo P là người khởi xướng, lợi dụng sơ hở của người bị hại, trực tiếp thực hiện hành vi lén lút phá khóa chiếm đoạt 13 chiếc xe mô tô; bị cáo Phạm Minh D đi cùng, đứng ngoài cảnh giới giúp sức tích cực cho P trộm cắp 13 chiếc xe mô tô rồi cả hai bị cáo mang đi tiêu thụ; xem xét đặc điểm nhân thân các bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với 2 bị cáo do trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Phạm Minh D mới chấp hành xong bản án 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại cố ý phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo phân tích tại mục [1] nêu trên thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết “Có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự nên đã quyết định hình phạt đối với bị cáo P và bị cáo D là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo P và bị cáo D.

[5.2] Đối với Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L, Đỗ Văn T: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã áp dụng đúng pháp luật, quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L, Đỗ Văn T là có căn cứ, phù hợp và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; bị cáo Lâm trình bày đã nộp 3.000.000 đồng khắc phục hậu quả, tuy nhiên xét thấy đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính nộp lại và mới được một phần nhỏ so với số tiền bị cáo đã chiếm hưởng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo Lâm. Đối với bị cáo Đỗ Văn T, tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình của bị cáo Tạo có khó khăn nên nhất thời phạm tội; bị cáo là người có nhân thân tốt, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 13.000.000 đồng cho chủ tiệm cầm đồ. Xét thấy, đây là tình tiết mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa, áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhưng cần buộc bị

cáo phải cải tạo tại trại giam để được giáo dục, sửa chữa sai phạm, rèn luyện trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc điều tra ở cấp sơ thẩm đã đầy đủ và đã làm rõ các vấn đề phải giải quyết trong vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; cần chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn T, sửa bản án sơ thẩm cho đúng với quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L và một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Tường L.

1.1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương T 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2017.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường L 2 (hai) năm tù** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D, Đỗ Văn T và áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D, Nguyễn Phương T.

2.1. Áp dụng điểm b và điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt bị cáo Phan Minh P 5 (năm) năm tù** về

tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2017.

2.2. Áp dụng điểm b và điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt bị cáo Phạm Minh D 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 01 năm 2017.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 6 (sáu) tháng tù** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự, truy thu số tiền do các bị cáo sau đây phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước:

2.4.1. Truy thu của bị cáo Phan Minh P 11.650.000 (mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng;

2.4.2. Truy thu của bị cáo Phạm Minh D 11.650.000 (mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng;

2.4.3. Truy thu của bị cáo Nguyễn Phương T 10.800.000 (mười triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Phương T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Nguyễn Tường L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Minh N; trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bị cáo Phan Minh P, Phạm Minh D; xử lý vật chứng; án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Các bị hại;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền